

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2023/DS-ST

Ngày: 19/9/2023.

V/v tranh chấp “Đòi tài sản; Đòi quyền sử dụng đất;

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Văn Công Em – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp “Đòi tài sản; Đòi quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 172/2023/QĐ-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2013, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1972. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Ngọc T có luật sư Nguyễn Thị Ngọc H – Văn phòng luật sư Gia Quang Luật – thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C (Tr), sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Lê Thanh P, sinh năm 1998. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Nguyễn Vũ T, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Trước đây vợ chồng tôi có diện tích đất 1.418m² thửa 69, tờ bản đồ số 6, tọa lạc Ấp M, xã L, huyện C được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/4/2008 cho ông Lê Văn H đại diện hộ đứng tên. Ngày 03/5/2011 vợ chồng tôi có sang nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T diện tích 1.000m² với giá 34 chỉ vàng 24Kr. Ông T đưa trước 20 chỉ, còn lại 14 chỉ hẹn khi nào làm thủ tục chuyển nhượng xong sẽ giao đủ 14 chỉ còn lại, hai bên có làm giấy tay sang nhượng đất. Còn lại 418m² ngày 29/11/2011 vợ chồng tôi tiếp tục bán cho Nguyễn Văn C 200m². Do C chưa làm thủ tục sang tên nên hiện tại chúng tôi còn lại 418m² đất.

Trong thời gian chúng tôi đi làm ăn xa, do giấy tay bị thất lạc tìm không được nên khi ông T làm hợp đồng chuyển nhượng 1200m², vì không tìm được giấy tay để làm chứng nên chúng tôi có ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng 1200m². Ngày 31/12/2013 Nguyễn Ngọc T giả mạo chữ ký của chúng tôi tự động sang tiếp diện tích 218m² cho Trai, tôi không hay biết. Ông Nguyễn Ngọc T tự ý chuyển nhượng 1.418m² cho bà là không đúng. Tóm lại tôi chỉ bán cho ông T 1000m², ngoài ra không sang nhượng cho ông T phần diện tích nào nữa, vậy mà ông T tự làm thủ tục sang 02 lần tổng diện tích 1418m² và chuyển nhượng lại cho bà L diện tích đất này.

Nay tôi yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích Th (vợ ông T) phải trả cho vợ chồng tôi số vàng còn lại là 14 chỉ vàng 24Kr và yêu cầu ông T, bà Th, bà L trả tôi diện tích đất 418m² đất (phần đất này chị L đã nhận chuyển nhượng từ ông T, nên hiện chị L đang đứng tên và quản lý sử dụng). Yêu cầu hủy giấy chứng nhận số CH 00971 ngày 11/8/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông T diện tích 1200m² và giấy chứng nhận do ông T đứng tên 218m²; Hủy giấy chứng nhận số CH00970, ngày 23/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho Nguyễn Thị L.

** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày ý kiến:*

Tôi có mua của bà T, ông H diện tích 1000m² giá 34 chỉ vàng 24Kr, khi đo đạc thực tế thì diện tích là 1200m² nên hai bên thỏa thuận lại giá chuyển nhượng là 40,8 chỉ vàng 24Kr. Số vàng này tôi đã trả đủ hết cho bà T, ông H nên việc chuyển nhượng đã thực hiện xong, hiện nay tôi không còn nợ bà T, ông H số vàng nào.

Đối với diện tích 218m² là do bà T bán cho ông C (Tr), sau đó ông C không canh tác nên có bán lại cho tôi với giá 20.000.000đ khi bán có thỏa thuận miệng chứ không có giấy tờ gì. Tôi nhận chuyển nhượng của bà T 1.200m² và nhận chuyển nhượng của ông C 218m², tôi được đứng tên quyền sử dụng đất đối với 02 diện tích đất này, sau đó tôi có đem phần đất 1.418m² này bán cho chị L năm 2014 - 2015 giá khoảng 04 cây máy vàng 24Kr. Hiện nay chị L đang đứng tên quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng phần đất này từ đó đến nay.

** Bà Nguyễn Thị L trình bày:* Tôi có mua phần đất này từ ông Nguyễn Ngọc T 02 thửa đất và tôi đã đứng tên hợp pháp đối với 02 thửa đất này. Do 02 thửa đất tôi mua nằm phía ngoài, đất còn lại của ông H, bà T phía trong không có lối đi vô đất năm 2015 tôi và ông H, bà T có làm giấy trao đổi đất để ông H, bà T làm đường đi vào nhà. Tôi mua phần đất từ ông T là hợp pháp nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tôi không đồng ý.

** Ông Nguyễn Văn C (Tr) trình bày:* Trước đây vợ chồng ông H, bà T có nợ tôi số tiền khoảng hơn 30 triệu tiền hụi, do không có khả năng trả nên ông H, bà T có làm giấy bán cho

tôi diện tích 200m² để trừ nợ. Do diện tích đất nhỏ không đủ để tách thửa nên tôi có thỏa thuận bán lại cho ông Nguyễn Ngọc T với giá 20.000.000đ. Do việc mua bán giữa tôi với ông H làm bằng giấy tay, nên cả 03 có thỏa thuận ông H, bà T sẽ ký tên chuyển nhượng trực tiếp cho ông T diện tích đất này. Tôi không còn liên quan gì đến việc mua bán đất này nữa nên việc khởi kiện của nguyên đơn tôi không đồng ý.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi bà T, ông H cho rằng chỉ chuyển nhượng cho ông T 1.000m² đất nhưng hợp đồng chuyển nhượng được chứng thực ngày 06/6/2011 diện tích là 1.200m² là hợp pháp. Cùng thời điểm chuyển nhượng đó thì nguyên đơn tiếp tục chuyển nhượng cho ông C 200m², nhưng theo hồ sơ là sau thời gian chuyển nhượng diện tích 1.200m² cho ông T. Năm 2013 ông C tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông T diện tích 200m² này và bà T, ông H, ông T có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 218m² được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Long chứng thực là hợp pháp. Mặc khác bà T, ông H có văn bản thỏa thuận đổi đất giữa bà L với ông H, bà T. Từ đó có đủ cơ sở xác định bà T ông H không còn quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi ông T, bà L, bà Th trả diện tích đất 218m² và đòi ông T, bà Th trả số vàng 24 chỉ vàng 24K. Đình chỉ giải quyết đối với diện tích 200m² bà T, ông H xin rút lại.

* Luật sư bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Ngọc T phát biểu ý kiến: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập giữa bà T, ông H với ông T được thỏa thuận giá 34 chỉ vàng cho 1000m². Tuy nhiên qua đo đạc thực tế thì diện tích tăng lên 1200m² nên hai bên có thỏa thuận giá là 40,8 chỉ vàng 24K. Ông T đã giao đủ số vàng nên ông H, bà T mới ký kết hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất này và ông T đã đứng tên quyền sử dụng đất. Ngày 29/11/2011 ông H, bà T thỏa thuận bán cho ông C 200m² đất (thực tế là 218m²) là thực hiện sau hợp đồng đã ký với ông T và hiện ông T cũng đã được đứng tên quyền sử dụng đối với diện tích đất này trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng trực tiếp từ bà T, ông H với ông T được Ủy ban nhân dân xã chứng thực. Mặc khác giữa bà L và bà T có văn bản thỏa thuận đổi đất để sử dụng, nên bà T, ông H đã tự xác định ông bà không còn quyền để sử dụng đất nên mới thỏa thuận với bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể xin rút lại diện tích 200m², chỉ yêu cầu ông T, bà Th, bà L trả cho bà diện tích 218m². Đồng thời bà T cho rằng bà không ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng ngày 31/10/2013 với ông Nguyễn Ngọc T diện tích chuyển nhượng 218m² thửa 187. Điều này đã được kết luận tại kết luận giám định Số: 2753/C54B, ngày 30/8/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận không phải chữ ký của bà trong hợp đồng nêu trên nên bà T yêu cầu ông T, bà L, bà Th phải trả lại cho bà T diện tích đất 218m² này; Yêu cầu ông T bà Th phải trả cho bà 14 chỉ vàng 24K. Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà L đối với các phần đất tranh chấp nêu trên. Phía bà L, ông T, bà Th không đồng ý đối với lời trình bày của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn H xác định đây là quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản; Đòi quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Phần đất tranh chấp có địa chỉ tại Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Cai Lập theo quy định điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn H có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là diện tích 200m², chỉ yêu cầu trả diện tích 218m² xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, các đương sự khác trong vụ án cũng không có ý kiến gì đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả 200m² đất của bà T, ông H yêu cầu bà Th, ông T, bà L phải trả.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà Th phải trả lại 14 chỉ vàng 24Kr; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH009171, ngày 11/8/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lập, tỉnh Tiền Giang đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc T diện tích 1.200m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00970, ngày 23/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lập cấp cho bà Nguyễn Thị L; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Ngọc T diện tích 218m²; Yêu cầu bà L, ông T, bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T, ông H diện tích đất 218m² của thửa đất 69 (thửa mới là 187, tờ bản đồ số 6, tọa lạc Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang); Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị L, cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Th không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của bà T, ông H.

2.1 Đối với yêu cầu đòi 14 chỉ vàng 24Kr: Theo bà T trình bày, bà và ông H có diện tích đất 1.418m², thửa 69, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Mỹ Chánh, xã Mỹ Long, đã được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lập cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/4/2008 cho ông H đại diện hộ đứng tên. Vào ngày 03/5/2011 vợ chồng bà có thỏa thuận bán cho ông T diện tích 1.000m² với giá 34 chỉ vàng 24Kr, đưa trước 20 chỉ, còn lại 14 chỉ khi làm thủ tục chuyển nhượng sẽ đưa hết. Do ông T chỉ đưa cho vợ chồng bà T ông H 20 chỉ, nên yêu cầu ông T phải trả 14 chỉ vàng 24Kr; Ông T trình bày ý kiến, năm 2011 ông có thỏa thuận mua của vợ chồng bà T 1.000m² đất giá 34 chỉ vàng 24Kr, đưa trước 20 chỉ vàng, còn 14 chỉ hên khi nào làm thủ tục sang tên sẽ đưa hết. Khi tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng có tiến hành đo đạc lại thì diện tích thực tế là 1.200m² và hai bên có thỏa thuận lại giá chuyển nhượng là 40,8 chỉ vàng 24Kr. Ngày 18/5/2011 ông T đã giao đủ số vàng còn lại nên hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng 1.200m² và ông T đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17/8/2011 với số thửa mới là thửa 188.

Thấy rằng, bà T, ông H yêu cầu đòi 14 chỉ vàng là không có cơ sở xem xét chấp nhận. Bởi trong thực tế nếu ông T chưa giao đủ số vàng còn lại thì bà T, ông H cũng không thể ký hợp đồng chuyển nhượng sang tên cho Trai và ông T được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời sau đó ông T lại tiếp tục chuyển nhượng thửa đất này cho bà L nhưng bà T, ông H không có ý kiến phản đối. Việc bà T trình bày có biên nhận ông T còn nợ 14 chỉ vàng, thực tế chỉ là bản photo giấy tay mua bán đất (giấy tay thỏa thuận diện tích 1.000m² giá 34 chỉ vàng), ngoài giấy tay này thì bà T không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh, đồng thời ông T cũng không thừa nhận số vàng nợ này. Nên yêu cầu đòi ông T phải trả 14 chỉ vàng 24Kr này của bà T, ông H là không có căn cứ để chấp nhận.

2.2 Đối với yêu cầu buộc ông T, bà L, bà Th trả lại diện tích 218m²: Bà T cho rằng chỉ bán cho ông T 1.000m², bán cho ông C 200m² nên còn lại diện tích 218m² trong tổng diện tích 1.418m² mà bà và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đó. Bà T dựa vào kết luận giám định 2753/C54B, ngày 30/8/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận bà T không ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng ngày 31/10/2013 đối với diện tích đất 218m² giữa ông T và vợ chồng bà. Tại phiên tòa ông H, bà T thừa nhận có ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng diện tích 1.200m² đất cho ông T, sau đó ông H, bà T tiếp

tục bán cho ông C 200m² để cản trừ nợ hụi (có giấy tay sang nhượng bản chính). Diện tích đất nhỏ không thể tách thửa được nên ông C có thỏa thuận bán lại cho ông T diện tích 200m² đất này, qua đo đạc thực tế là 218m². Do ông H, bà T còn đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này nên các bên thỏa thuận ông H, bà T sẽ đứng ra ký tên chuyển nhượng trực tiếp cho ông T diện tích đất 218m². Ngày 31/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Long có mặt bà T nhưng bà T không trực tiếp ký tên vào hợp đồng mà do ông H ký thay, nay bà T lấy lý do không có ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng ngày 31/10/2013 để đòi lại diện tích 218m² đất. Xét thấy, tuy bà T không ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng ngày 31/10/2013 nhưng bà T vẫn biết việc chuyển nhượng giữa hai bên và vẫn sử dụng số tiền chuyển nhượng này vào việc tiêu xài gia đình nên theo quy định tại Án lệ số 04/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công nhận theo quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao nên hợp đồng chuyển nhượng ngày 31/10/2013 giữa vợ chồng bà T, ông H với ông T vẫn được công nhận là hợp pháp.

Mặc khác ngày 27/10/2015 giữa vợ chồng bà T, ông H với bà L có làm giấy tay trao đổi đất để ông H, bà T sử dụng đi ra phía sau phần đất còn lại của ông, bà. Như vậy bà T, ông H đã tự xác định rằng ông, bà không còn quyền sử dụng đất, nên mới làm giấy trao đổi đất này, cho nên yêu cầu đòi lại 218m² này của bà T, ông H là không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà L. Xét thấy các hợp đồng chuyển nhượng được lập giữa ông T với bà T, ông H, giữa ông T với bà L đã được chứng thực phù hợp quy định pháp luật và ông T, bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp. Nên yêu cầu đòi hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn là không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Ngọc T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên xem xét chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc định giá, thu thập chứng cứ tổng cộng là 2.000.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu chi phí này theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí này, cản trừ xem như đã nộp xong.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Giá vàng tham khảo tại thời điểm tính án phí ngày 13/9/2023 là 5.700.000đ/chí)

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, khoản 2 Điều 244, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 105, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 26, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 04/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công nhận theo quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn H.

Về yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích Th phải trả lại 14 chỉ vàng 24K; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH009171 ngày 11/8/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã cấp cho Nguyễn Ngọc T diện tích 1200m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00970 ngày 23/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho bà Nguyễn Thị L; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Ngọc T diện tích 218m²; Yêu cầu bà L, ông T, bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn diện tích 218m² của thửa đất 69 (thửa mới là 187, tờ bản đồ số 6, tọa lạc Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

2/ Đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất 200m² tọa lạc Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn H đòi ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích Th, bà Nguyễn Thị L phải trả.

3/ Về án phí:

Nguyên đơn ông H, bà T phải chịu 3.990.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn đã nộp 1.525.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16249, ngày 19/12/2018, cần trừ nên còn phải nộp tiếp 2.465.000đ.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Án tuyên lúc 08 giờ 00 phút, ngày 19/9/2023, có mặt bà T, ông T, bà L)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Thoa